

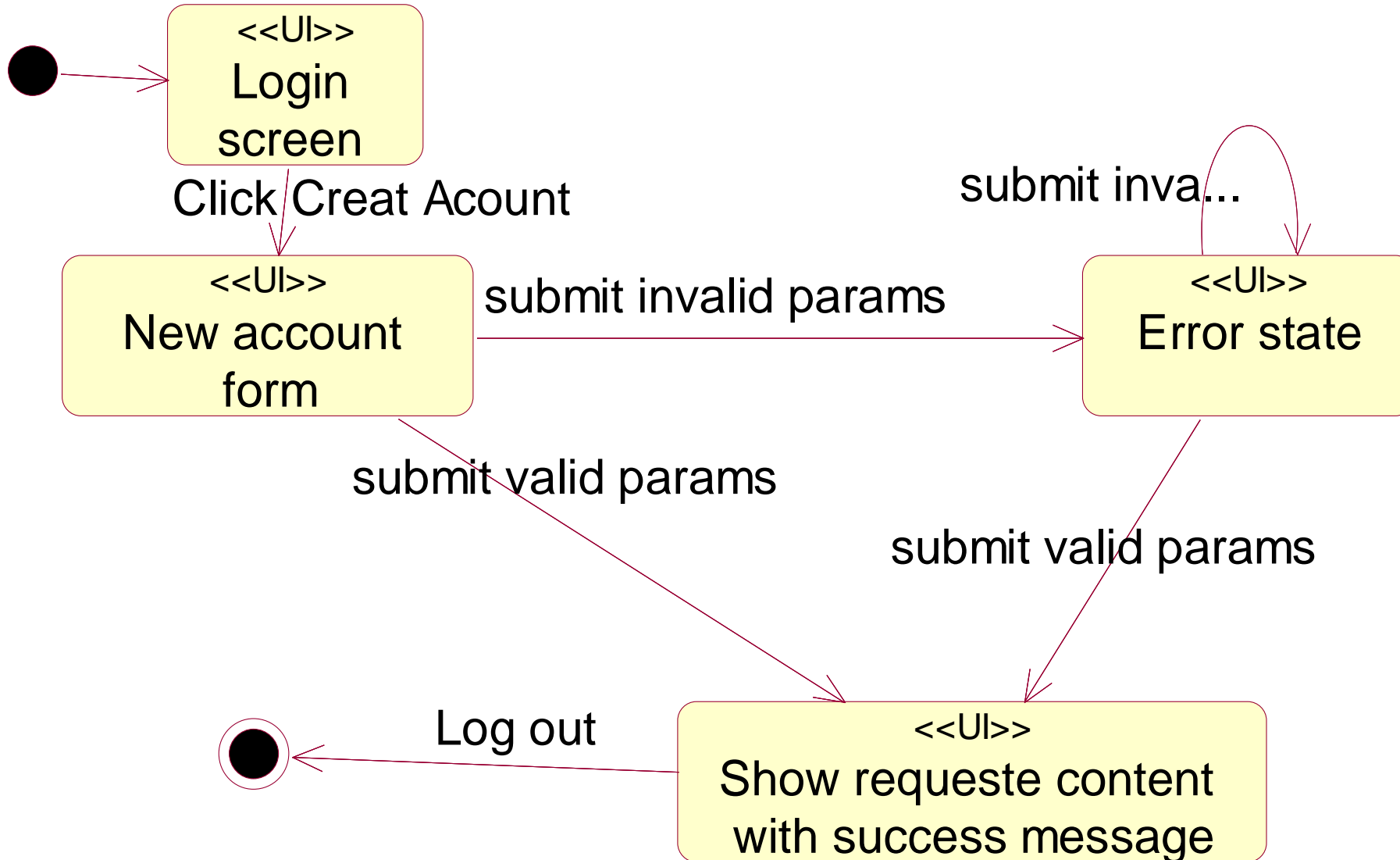
## (5) Thiết kế giao diện

---

- ❖ **Screen Flow Diagram (or Storyboard, or User Interface Flow Diagrams):** sơ đồ giao diện người dùng (hay kịch bản, giao diện sơ đồ dòng chảy, sơ đồ các cửa sổ chuyển hướng, bản đồ ngữ cảnh menu) được sử dụng để mô hình hóa các mối quan hệ cấp cao giữa các thành phần giao diện người dùng, từ đó đưa ra khả năng sử dụng cơ bản.

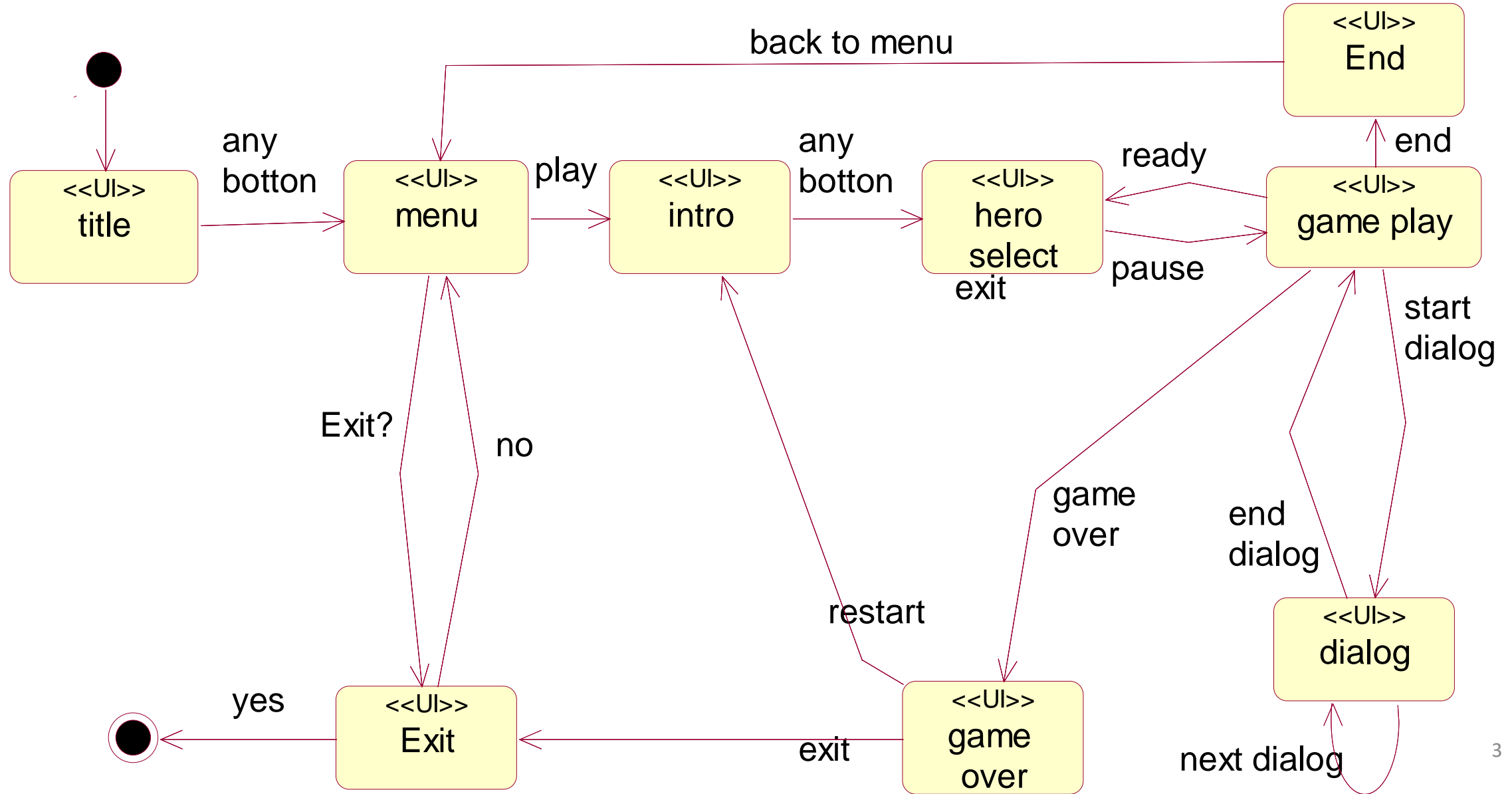
## (5) Thiết kế giao diện

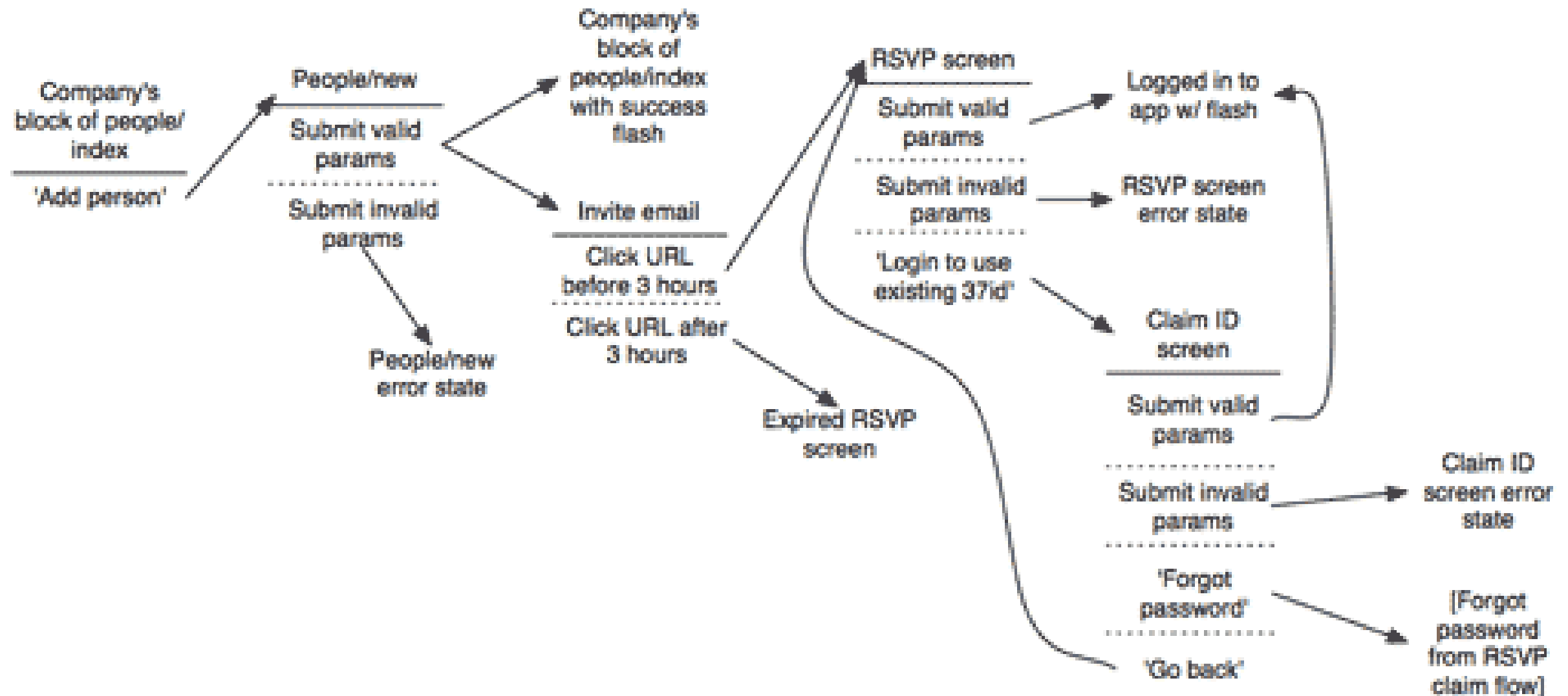
### ❖ Screen Flow Diagram (State Machine Diagram)



## (5) Thiết kế giao diện

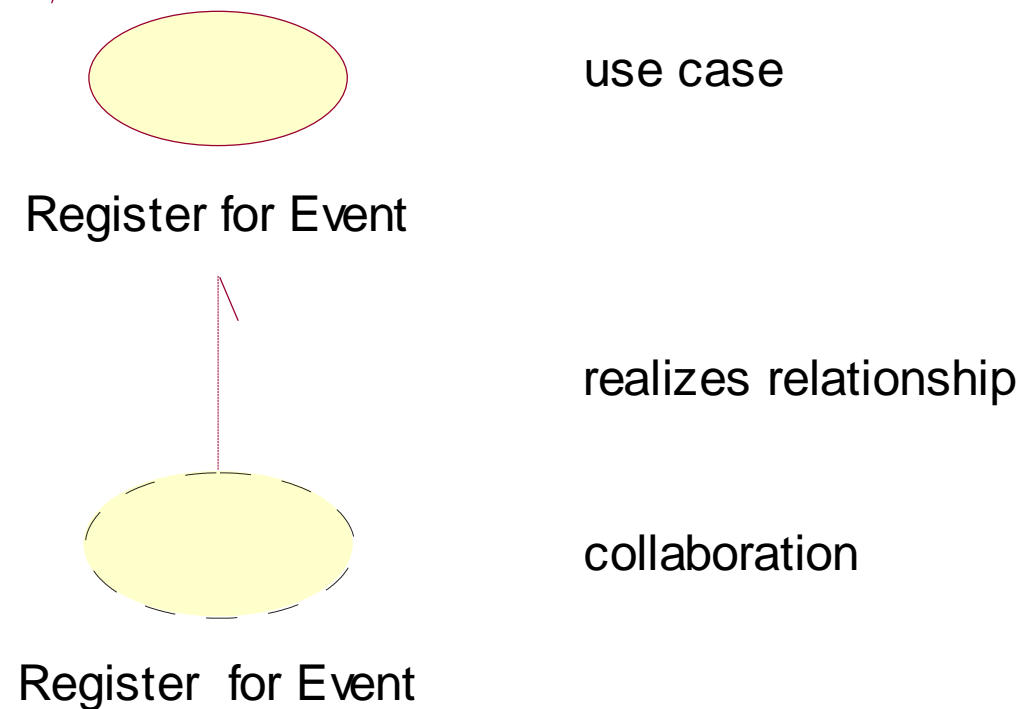
### ❖ Screen Flow Diagram (State Machine Diagram)





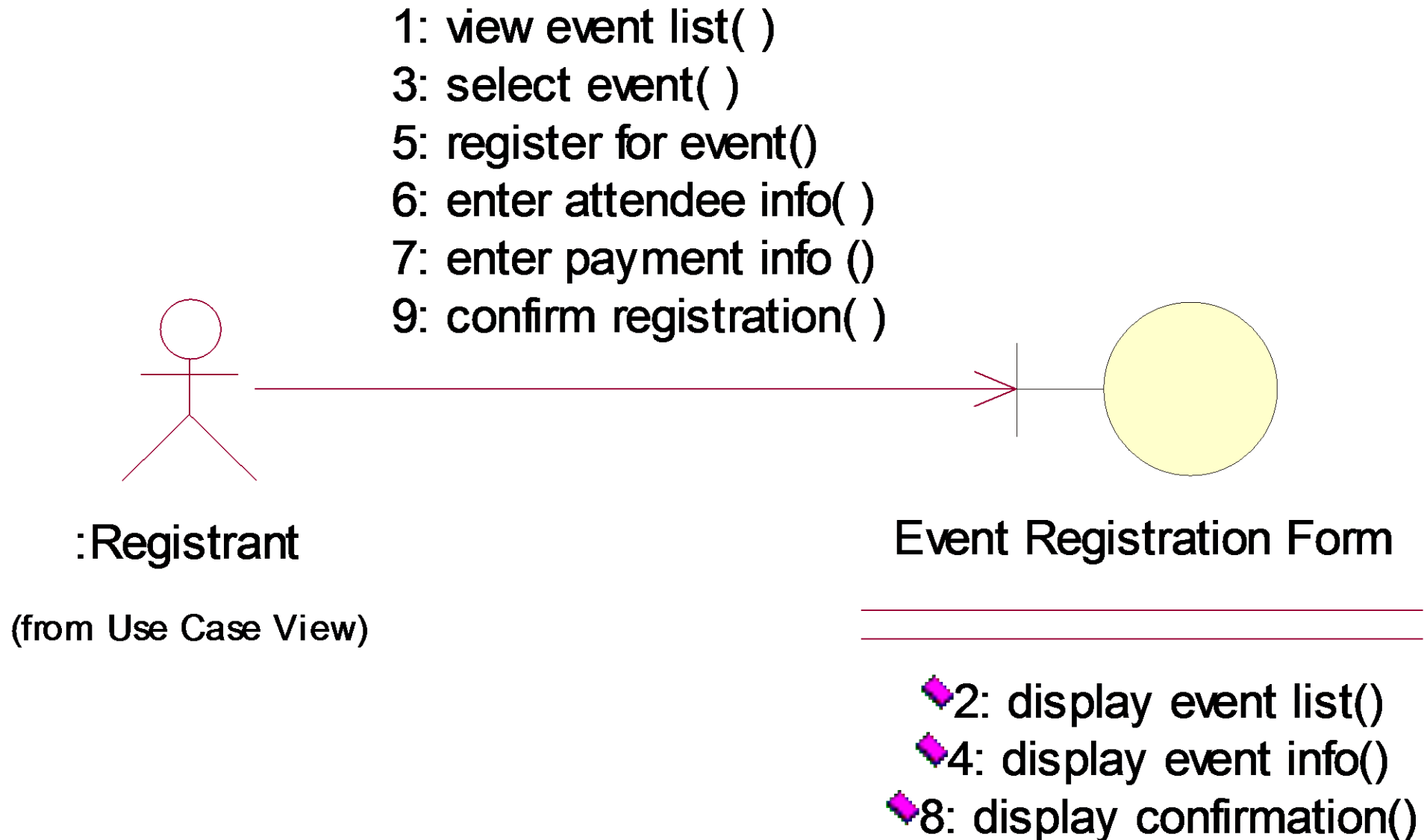
## (6) Tạo giao diện người dùng hiện thực hóa

- ❖ Sử dụng cộng tác UML để nắm bắt hành vi và cấu trúc của mô hình giao diện người dùng
- ❖ Tạo khuôn mẫu cho sự cộng tác dưới dạng << hiện thực hóa giao diện người dùng >>
- ❖ Kết nối với ca sử dụng bằng cách sử dụng mối quan hệ hiện thực hóa .



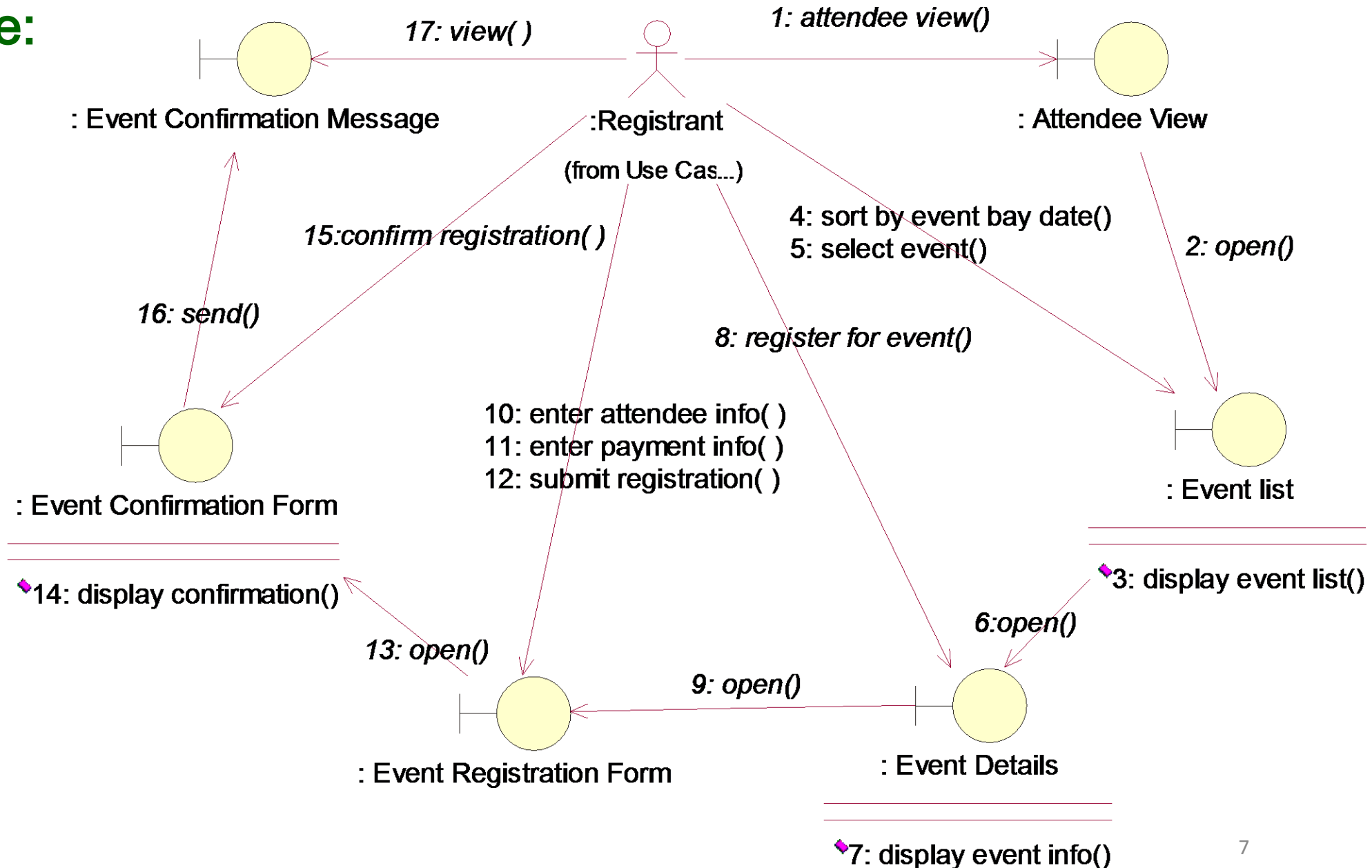
## (6) Tạo giao diện người dùng hiện thực hóa

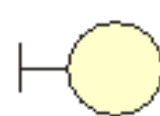
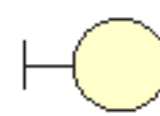
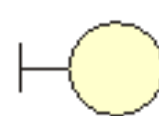
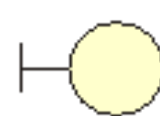
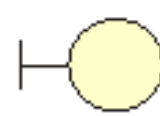
### ❖ Sơ đồ cộng tác UML:



## (6) Tạo giao diện người dùng hiện thực hóa

### ❖ User Interface:





: :Registrant

: Attendee View

: Event list

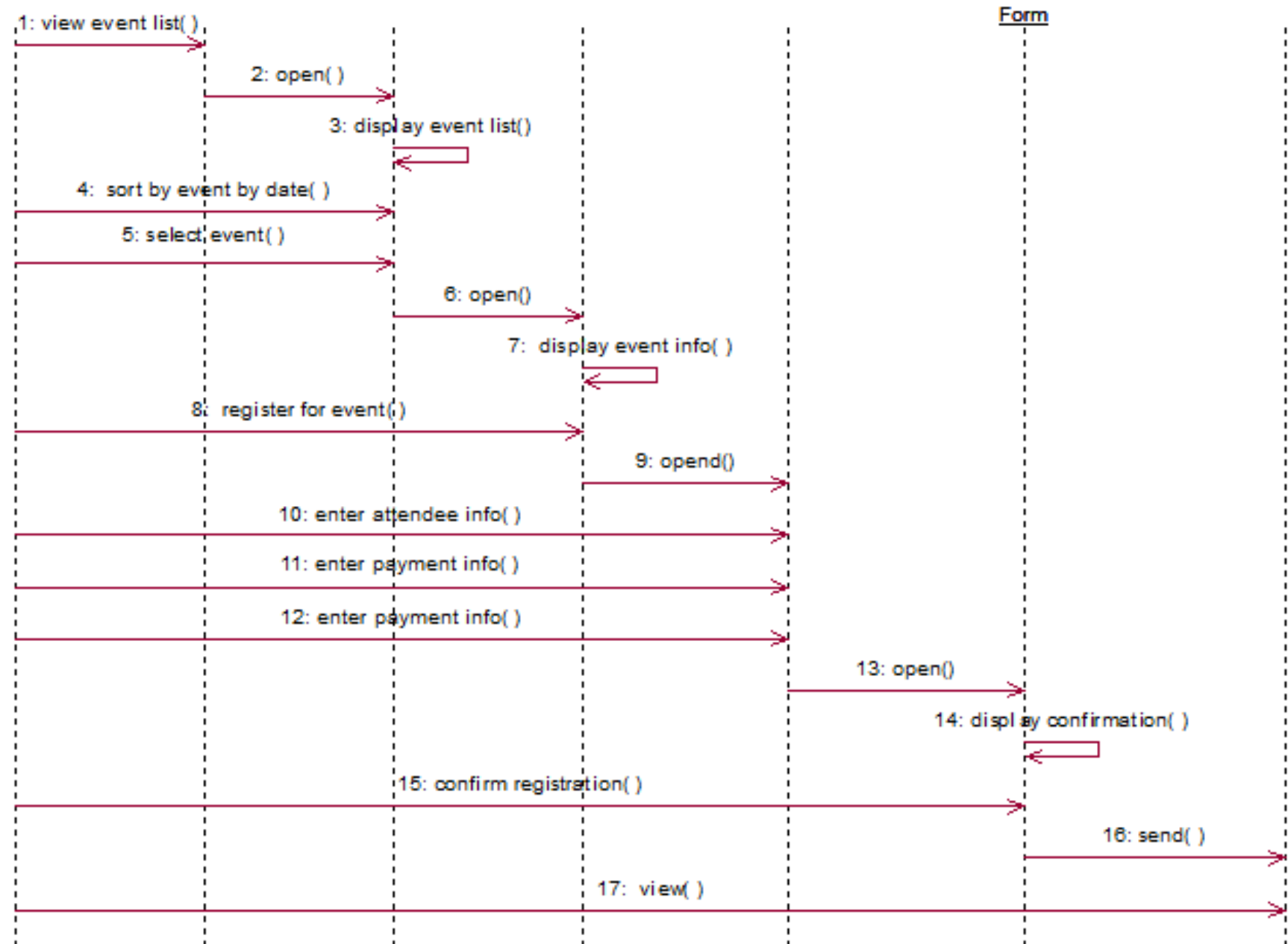
: Event Details

: Event Registration Form

: Event Confirmation

: Event Confirmation Message

## ❖ User Interface:





## (6) Tạo giao diện người dùng hiện thực hóa

### ❖ User Interface:

